TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Đặng Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà Cao Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị C, sinh năm 1999 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng).

- *Bị đơn:* Anh Hồ Sỹ T, sinh năm 1990 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị C trình bày: Chị Giàng Thị C và anh Hồ Sỹ T chung sống với nhau năm 2019 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (cũ) địa chỉ hiện nay: Xã T, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18-6-2019. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó liên tục xảy ra mẫu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hiện tại anh chị đã sống ly thân. Nay chị Giàng Thị C xác định không còn tình cảm với anh Hồ Sỹ T nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Lâm Đồng giải quyết cho chị Giàng Thị C được ly hôn với anh Hồ Sỹ T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hồ Giàng Quang V, sinh ngày 12/4/2019 và Hồ Giàng Ngọc N, sinh ngày 07/3/2021. Chị C có nguyện vọng được nuôi cháu Hồ Giàng Ngọc N và giao cháu Hồ Giàng Quang V cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị C yêu cầu Toà án giải quyết chia

cho bà Giàng Thị C được quản lý, sử dụng thửa đất số 160, tờ bản đồ địa chính số: 46; địa chỉ thửa đất hiện nay: Xã T, tỉnh Lâm Đồng và chia cho ông Hồ Sỹ T được quản lý, sử dụng thửa đất mẹ ông T (bà Thiều Thị T) cho; địa chỉ thửa đất hiện nay: Xã T, tỉnh Lâm Đồng; về nợ: Chị Giàng Thị C có nghĩa vụ trả nợ cho mẹ bà C 140.000.000 đồng; Ông T có nghĩa vụ trả Ngân hàng Chính sách xã hội – Đ số tiền 50.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Giàng Thị C rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và nợ chung trên.

Lời khai của anh Hồ Sỹ T trong quá trình giải quyết vụ án: Anh và chị Giàng Thị C chung sống với nhau năm 2019 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (cũ) địa chỉ hiện nay: Xã T, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18-6-2019. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó liên tục xảy ra mẫu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay anh T xác định không còn tình cảm với chị C nữa, hiện tại anh chị đã sống ly thân nên đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Giàng Thị C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hồ Giàng Quang V, sinh ngày 12/4/2019 và Hồ Giàng Ngọc N, sinh ngày 07/3/2021. Anh T đồng ý giao cháu Hồ Giàng Ngọc N cho chị C và giao cháu Hồ Giàng Quang V cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng phát biểu quan điểm: Toà án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị C, cho chị Giàng Thị C được ly hôn với anh Hồ Sỹ T.

Về con chung: Giao cháu Hồ Giàng Quang V, sinh ngày 12/4/2019 cho anh Hồ Sỹ T và giao cháu Hồ Giàng Ngọc N cho chị Giàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Giàng Thị C là người người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Giàng Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hồ Sỹ T có nơi cư trú tại thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Giàng Thị C với anh Hồ Sỹ T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Giàng Thị C và anh Hồ Sỹ T chung sống với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18-6-2019 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (cũ) địa chỉ hiện nay: Xã T, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị C và anh Hồ Sỹ T là hợp pháp.

Xét thấy, cả chị Giàng Thị C và anh Hồ Sỹ T đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân. Cả chị C và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Giàng Thị C và anh Hồ Sỹ T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Giàng Thị C với anh Hồ Sỹ T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Giàng Thị C có nguyện vọng nuôi cháu Hồ Giàng Ngọc N, sinh ngày 07/3/2021 và anh Hồ Sỹ T có nguyện vọng được nuôi cháu. Hồ Giàng Quang V, sinh ngày 12/4/2019. Vì vậy, cần giao cháu Hồ Giàng Quang V cho anh Hồ Sỹ T và giao cháu Hồ Giàng Ngọc N cho chị Giàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Giàng Thị C đã rút yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung và các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Giàng Thị C là người người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Giàng Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị C được ly hôn với anh Hồ Sỹ T.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Giàng Quang V, sinh ngày 12/4/2019 cho anh Hồ Sỹ T và giao cháu Hồ Giàng Ngọc N, sinh ngày 07/3/2021 cho chị Giàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh T và chị C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền ngăn cản. Nếu anh T và chị C lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Giàng Thị C là người người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Tà Đùng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc